Trương Phước Minh (Chủ biên) Nguyễn Thị Kim Thoa – Nguyễn Thị Hồng

# ĐỊA LÝ DU LỊCH THẾ GIỚI

(SÁCH CHUYÊN KHẢO)

NHÀ XUẤT BẢN THANH NIÊN

### MŲC LŲC

| DANH MỤC BẢNG            | 9  |
|--------------------------|----|
| DANH MỤC HÌNH            | 10 |
| DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẤT | 13 |
| MỞ ĐẦU                   | 15 |

#### Chương 1 LỊCH SỬ DU LỊCH VÀ CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG

| 1.1. ĐỐI TƯỢNG VÀ NHIỆM VỤ CỦA MÔN HỌC ĐỊA LÝ DU LỊCH THẾ GIỚI      | 19 |
|---|----|
| 1.2. KHÁI QUÁT VỀ LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN DU LỊCH HIỆN ĐẠI | 20 |
| 1.3. DU LỊCH VÀ ĐỊA LÝ DU LỊCH                                      | 23 |
| 1.3.1. Du lịch và những nội dung liên quan                          | 23 |
| 1.3.2. Địa lý du lịch   | 37 |
| 1.4. NHỮNG YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN SỰ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN DU LỊCH | 41 |
| 1.4.1. Các yếu tố tự nhiên, lịch sử và văn hóa (tài nguyên du lịch) | 41 |
| 1.4.2. Các yếu tố kinh tế - xã hội                                  | 46 |
| 1.4.3. Cơ sở hạ tắng và cơ sở vật chất kỹ thuật trong du lịch       |    |
| TIẾU KẾT CHƯƠNG 1   | 51 |

#### Chương 2 TỔNG QUAN VỀ DU LỊCH THẾ GIỚI

| 2.1. DU LỊCH THẾ GIỚI VÀ NHỮNG VẤN ĐỂ CHUNG                    |
|--|
| 2.1.1. Du lịch thế giới và mục tiêu, nhiệm vụ                  |
| 2.1.2. Du lịch thế giới và tình hình phát triển                |
| 2.1.3. Xu hướng du lịch thế giới                               |
| 2.1.4. Xu hướng du lịch hàng đầu năm 2021 và sau dịch COVID-19 |

#### ĐỊA LÝ DU LỊCH THẾ GIỚI

| 2.2. NHỮNG YẾU TỐ QUAN TRỌNG ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG DU LỊCH THẾ GIỚI                  |    |
|--|----|
| 2.2.1. Giao thông vận tải  |    |
| 2.2.2. Các phương tiện giao thông vận tải trong du lịch                          |    |
| 2.3. CHÍNH SÁCH VÀ CHÍNH SÁCH DU LỊCH  | 65 |
| 2.3.1. Chính sách  | 65 |
| 2.3.2. Chính sách du lịch  | 65 |
| 2.4. VẤN ĐỂ HỘ CHIẾU VÀ THỊ THỰC NHẬP CẢNH TRONG DU LỊCH QUỐC TẾ                 | 67 |
| 2.4.1. Hộ chiếu (Passport)   | 67 |
| 2.4.2. Thị thực (visa) và chính sách thị thực thông thoáng trong du lịch quốc tế | 68 |
| TIỂU KẾT CHƯƠNG 2  |    |

# Chương 3 TỔ CHỨC DU LỊCH THẾ GIỚI VÀ MỘT SỐ VẤN ĐỀ PHÁT TRIỂN DU LỊCH BẾN VỮNG

| 3.1. TỔ CHỨC DU LỊCH THẾ GIỚI CỦA LIÊN HỢP QUỐC (THE WORLD TOURISM ORGANIZATION - UNWTO)71 |
|--|
| 3.1.1. Tồn chỉ - mục đích của Tổ chức Du lịch Thế giới72                                   |
| 3.1.2. Thành lập   |
| 3.1.3. Cấu trúc tổ chức  |
| 3.2. CÁC TỔ CHỨC DU LỊCH LIÊN MINH   |
| 3.2.1. Hội đồng Du lịch và Lữ hành Thế giới (World Tourism and Travel Council - WTTC)75    |
| 3.2.2. Hiệp hội Nhà hàng và Khách sạn Quốc tế  |
| (The International Hotel & Restaurant Association - IHRA)75                                |
| 3.3. TỔ CHỨC DU LỊCH VÙNG VÀ QUỐC GIA (REGIONAL AND NATIONAL TOURISM ORGANIZATION) 76      |
| 3.3.1. Tổ chức du lịch vùng (Tourism Region)76   |
| 3.3.2. Các hiệp hội du lịch vùng   |
| 3.3.3. Tổ chức du lịch quốc gia Việt Nam   |
| 3.4. TOÀN CẢNH TÌNH HÌNH DU LỊCH THẾ GIỚI TRƯỚC VÀ SAU DỊCH COVID – 19                     |
| 3.4.1. Du lịch thế giới năm 2018 về đích sớm   |
| 3.4.2. Du lịch thế giới năm 2019 tăng trưởng mạnh mẽ                                       |
| 3.4.3. Du lịch thế giới năm 2020 suy thoái và khủng hoảng                                  |
| 3.4.4. Du lịch thế giới năm 2021 đoàn kết, kiến trì và quyết tâm85                         |
| 3.4.5. Du lịch thế giới năm 2022: Tư duy lại về du lịch                                    |
| 3.4.6. Dự báo kinh tế thế giới năm 2023  |
| 3.5. MỘT SỐ VẤN ĐỂ PHÁT TRIỂN DU LỊCH BẾN VỮNG HIỆN NAY TRÊN THẾ GIỚI                      |

| ML | 10 | 11 | r  |
|----|----|----|----|
| m  | n. | гų | η. |

| 3.5.1. Du lịch và mục tiêu phát triển bền vững (Sustainable Development Goals)   | .94 |
|--|-----|
| 3.5.2. Phát triển du lịch bền vững và bảo vệ các giá trị di sản thế giới         | .96 |
| 3.5.3. Du lịch đô thị và kinh nghiệm ở một số thành phố thông minh trên thế giới | 100 |
| TIỂU KẾT CHƯƠNG 3  | 103 |

7

#### Chương 4 CÁC VÙNG DU LỊCH TRÊN THẾ GIỚI

| 4.1. VÙNG DU LỊCH CHÂU MŶ (AMERICAS)                      |     |
|---|-----|
| 4.1.1. Khái quát chung                                    |     |
| 4.1.2. Hoạt động du lịch vùng châu Mỹ                     |     |
| 4.1.3. Những điểm du lịch hấp dắn nhất vùng châu Mỹ       | 112 |
| 4.2. VÙNG DU LỊCH CHÂU ÂU (EUROPE)                        |     |
| 4.2.1. Khái quát chung                                    |     |
| 4.2.2. Hoạt động du lịch vùng Châu Âu                     |     |
| 4.2.3. Những điểm du lịch hấp dẫn nhất vùng châu Âu       |     |
| 4.3. VÙNG DU LỊCH CHÂU Á - THÁI BÌNH DƯƠNG (ASIA PACIFIC) |     |
| 4.3.1. Khái quát chung                                    | 130 |
| 4.3.2. Hoạt động du lịch vùng châu Á - Thái Bình Dương    |     |
| 4.3.3. Những điểm du lịch hấp dẫn nhất vùng châu Á - TBD  |     |
| 4.4. VÙNG DU LỊCH CHÂU PHI (AFRICA)                       | 147 |
| 4.4.1. Khái quát chung                                    |     |
| 4.4.2. Hoạt động du lịch vùng châu Phi                    |     |
| 4.4.3. Những điểm du lịch hấp dắn nhất vùng châu Phi      | 154 |
| 4.5. VÚNG DU LỊCH TRUNG ĐỒNG (MIDLE EAST)                 | 157 |
| 4.5.1. Khái quát chung                                    |     |
| 4.5.2. Hoạt động du lịch vùng Trung Đỏng                  |     |
| 4.5.3. Những điểm du lịch hấp dẫn nhất vùng Trung Đỏng    |     |
| TIỂU KẾT CHƯƠNG 4   |     |

#### Chương 5 ĐỊA LÝ DU LỊCH TIẾU VÙNG ĐÔNG NAM Á

| 5.1. KHÁI QUÁT CHUNG VỀ TIỂU VÙNG ĐÔNG NAM Á | 166 |
|--|-----|
| 5.2. HOẠT ĐỘNG DU LỊCH TIỂU VÙNG ĐÔNG NAM Á  | 169 |

# 8 ĐỊA LÝ DU LỊCH THẾ GIỚI

| 5.3. HOẠT ĐỘNG DU LỊCH CỦA CÁC QUỐC GIA ĐÔNG NAM Á |  |
|--|--|
| 5.3.1. Nhà nước Brunei Darussalam                  |  |
| 5.3.2. Vương Quốc Campuchia                        |  |
| 5.3.3. Cộng hòa Indonesia                          |  |
| 5.3.4. Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào               |  |
| 5.3.5. Liên bang Malaysia                          |  |
| 5.3.6. Cộng hòa Liên bang Myanmar                  |  |
| 5.3.7. Cộng hòa Philippines                        |  |
| 5.3.8. Cộng hòa Singapore                          |  |
| 5.3.9. Vương Quốc Thái Lan                         |  |
| 5.3.10. Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam         |  |
| 5.3.11. Cộng hòa Dân chủ Đông Timor                |  |
| TIỂU KẾT CHƯƠNG 5                                  |  |
| TÀI LIỆU THAM KHẢO                                 |  |
| PHŲ LŲC  |  |

1.1

1.6

# DANH MỤC BẢNG

| Bảng 2.1. | Năm tuyến du lịch đường sắt đẹp nhất thế giới (2020)  | 61    |
|-----------|---|-------|
| Bång 3.1. | Những điểm đến du lịch hàng đầu thế giới năm 2019   | 84    |
| Bång 3.2. | Các quốc gia có chi tiêu du lịch nước ngoài cao nhất trên toàn thế giới từ năm 2019 - 202<br>(tính bằng tỷ USD) |       |
| Bảng 3.3. | Tác động chưa từng có từ COVID – 19 đối với khách du lịch và doanh thu  |       |
| Bảng 3.4. | Những thành phố khách du lịch quốc tế đến thâm nhiều nhất thế giới  | 93    |
| Bảng 3.5. | Bảy kì quan thế giới cổ đại (The Seven Wonders of the Ancient World)  | 97    |
| Bảng 3.6. | Bảy kì quan thế giới mới (New 7 Wonders of the World)   | 98    |
| Bảng 3.7. | Bảy kì quan thiên nhiên mới (New 7 Wonders of Nature)   | 98    |
| Bảng 3.8. | Phân bố di sản thế giới tại các vùng du lịch  | 99    |
| Bảng 4.1. | Các quốc gia thành viên của Tổ chức Du lịch Thế giới vùng châu Mỹ   | 109   |
| Bảng 4.2. | Các quốc gia châu Mỹ có khách du lịch quốc tế đến thăm nhiều nhất năm 2018                                      | . 111 |
| Bảng 4.3. | Các quốc gia châu Âu có lượng khách du lịch quốc tế thăm nhiều nhất năm 2019                                    | . 124 |
| Bảng 4.4. | Các quốc gia thành viên của Tổ chức Du lịch Thế giới vùng Châu Âu   | . 125 |
| Bảng 4.5. | Các tiểu vùng thuộc châu Á – Thái Bình Dương  | . 136 |
| Bảng 4.6. | Các quốc gia châu Á có lượng khách du lịch quốc tế đến nhiều nhất năm 2019                                      | . 140 |
| Bảng 4.7. | Các quốc gia thành viên của Tổ chức Du lịch Thế giới vùng châu Á – Thái Bình Dương                              | . 143 |
| Bảng 4.8. | Các quốc gia thành viên của Tổ chức Du lịch Thế giới vùng châu Phi  | . 154 |
| Bảng 4.9. | Các quốc gia thành viên của Tổ chức Du lịch Thế giới vùng Trung Đông  | . 163 |
| Bảng 5.1. | Các quốc gia Đông Nam Á (Southeast Asia, SEA)   | . 168 |
| Bảng 5.2. | Các di sản thế giới (vật thể) của Việt Nam  | . 192 |
| Bảng 5.3  | Các di sản thế giới (phi vật thể) của Việt Nam  | . 192 |
| Bảng 5.4. | Những thương hiệu khách sạn tốt nhất thế giới đã có ở Việt Nam  | . 194 |
| Bảng 5.5. | Khách du lịch và doanh thu du lịch Việt Nam giai đoạn 2015 - 2022   | 196   |
| Bảng 5.6. | Cơ cấu thị trường khách du lịch quốc tế của Việt Nam năm 2019   | . 197 |
|           |   |       |

### DANH MỤC HÌNH

| Hinh 1.1.  | Du khách: Chuyến đi sang trọng của bạn, nỗi khốn khổ hàng ngày của tôi   |     |
|------------|--|-----|
| Hinh 1.2.  | Hệ thống lãnh thổ du lịch M. Buchovarop (1975)   |     |
| Hình 1.3.  | Hệ thống du lịch Leiper (1979)   | 41  |
| Hình 3.1.  | Dự báo lượng khách du lịch quốc tế theo vùng đến năm 2030  |     |
| Hình 3.2.  | Các quốc gia có thặng dư lớn nhất trong cán cân du lịch* 2019 (tỷ USD)   | 82  |
| Hình 3.3.  | Tăng trưởng khách du lịch (triệu lượt) và doanh thu (tỷ USD)<br>ở các vùng du lịch năm 2019                            | 83  |
| Hinh 3.4.  | Lượng khách du lịch quốc tế theo vùng năm 2019 (%)   | 83  |
| Hinh 3.5.  | Doanh thu du lịch quốc tế theo vùng năm 2019 (%)   | 84  |
| Hinh 3.6.  | Doanh thu du lịch quốc tế trên toàn thế giới từ năm 2006 - 2021 (tỷ USD)   |     |
| Hình 3.7.  | Du lịch thế giới và các vùng du lịch sút giảm trong dịch COVID-19 (2019-2022)  | 90  |
| Hình 3.8.  | Khách du lịch quốc tế đến các vùng du lịch thế giới (2005 - 2022)  | 92  |
| Hinh 3.9.  | Các thành phố du lịch hàng đầu trên thế giới xếp hạng theo đóng góp trực tiếp của<br>du lịch vào GDP năm 2022 (tỷ USD) |     |
| Hinh 3.10. | Những đóng góp của du lịch trên nhiều lĩnh vực   | 95  |
| Hinh 3.11. | Kết quả khảo sát tính bến vững tại 101 quốc gia thành viên UNWTO   |     |
| Hinh 3.12. | Logo của Ủy ban Di sản thế giới (World Heritage Committee, WHC)  |     |
| Hinh 4.1.  | Bản đổ di cư sớm của con người dựa trên lý thuyết Ra khỏi châu Phi   | 106 |
| Hinh 4.2.  | Bản đó tự nhiên Châu Mỹ  | 107 |
| Hinh 4.3.  | Bản đồ các quốc gia Châu Mỹ  | 108 |
| Hình 4.4.  | Bản đồ các miến núi châu Âu  | 119 |
| Hinh 4.5.  | Bản đổ các quốc gia châu Âu  | 122 |
| Hinh 4.6.  | Bản đó tự nhiên châu Á   | 134 |
| Hinh 4.7.  | Bản đó các quốc gia châu Á   | 135 |
| Hinh 4.8.  | Bản đồ vùng châu Á - Thái Bình Dương   | 136 |

#### MŲC LŲC

| Hinh 4.9.  | Số lượt khách du lịch quốc tế đến các tiểu vùng châu Á - Thái Binh Dương<br>từ 2012 – 2021 | 142 |
|------------|--|-----|
| Hinh 4.10. | Chi tiêu du lịch quốc tế tại châu Á - Thái Bình Dương năm 2020, theo quốc gia              | 143 |
| Hinh 4.11. | Bản đổ tự nhiên châu Phi   | 148 |
| Hình 4.12. | Bản đồ các quốc gia và vùng lãnh thổ ở châu Phi  | 149 |
| Hinh 4.13. | Số lượt khách du lịch đến các tiểu vùng châu Phi từ 2020 - 2022 (so với 2019)              | 153 |
| Hinh 4.14. | Bản đố tự nhiên Trung Đông   | 158 |
| Hinh 4.15. | Bản đó Trung Đông giữa Bắc Phi, Nam Âu, Trung Á và Nam Á                                   | 159 |
| Hình 4.16. | Các quốc gia Trung Đông có khách du lịch quốc tế đến năm 2020 và 2021                      | 162 |
| Hinh 5.1.  | Bản đó các quốc gia Đông Nam Á   | 169 |
| Hinh 5.2.  | Lượng khách du lịch quốc tế đến Brunei từ năm 2013 – 2020                                  | 172 |
| Hinh 5.3.  | Lượng khách du lịch quốc tế đến Indonesia từ năm 2013 – 2022                               | 176 |
| Hình 5.4.  | Lượng khách du lịch quốc tế đến Malaysia từ 2012 - 2021                                    | 180 |
| Hinh 5.5.  | Lượng khách du lịch quốc tế đến Myanmar từ 2010 - 2018                                     | 182 |
| Hinh 5.6.  | Lượng khách du lịch quốc tế đến Philippines từ 2012 - 2022                                 | 184 |
| Hinh 5.7.  | Lượng khách du lịch quốc tế đến Singapore từ 2012 - 2021                                   | 187 |
| Hình 5.8.  | Lượng khách du lịch quốc tế đến Thái Lan từ 2015 - 2022                                    | 189 |
| Hinh 5.9.  | Khách du lịch và doanh thu du lịch Việt Nam giai đoạn 2015 - 2022                          | 197 |
| Hinh 5.10. | 10 quốc gia, vùng lãnh thổ có khách du lịch đến Việt Nam nhiều nhất tháng 1/2023           | 198 |

## DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

| APAC     | Châu Á – Thái Bình Dương (The Asia Pacific Accreditation Cooperation)          |
|----------|--|
| APEC     | Diễn đàn hợp tác kinh tế châu Á – Thái Bình Dương (Asia-Pacific Economic       |
|          | Cooperation)   |
| ASEAN    | Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (Association of South East Asian Nations)     |
| ATSP     | Chiến lược du lịch ASEAN 2016-2025 (ASEAN Tourism Strategic Plan)              |
| COVID-19 | Bệnh virus Corona 2019 (Coronavirus Disease 2019)                              |
| DL       | Du lịch (Tourism)  |
| DESA     | Vụ Các vấn để kinh tế và xã hội Liên hợp quốc (United Nations Department of    |
|          | Economic and Social Affairs)   |
| ÐLDL     | Địa lý du lịch (Tourism Geography)   |
| ETC      | Hiệp hội Du lịch châu Âu (The European Travel Commission)                      |
| EU       | Liên minh châu Âu (European Union)   |
| FIFA     | Liên đoàn Bóng đá thế giới (Federation Internationale de Football Association) |
| GDP      | Tổng sản phẩm nội địa (Gross Domestic Product)                                 |
| IATA     | Hiệp hội Vận tải Hàng không Quốc tế (International Air Transport Association)  |
| IHRA     | Hiệp hội Nhà hàng và Khách sạn Quốc tế (The International Hotel & Restaurant   |
|          | Association)   |
| IMG      | Nhóm quản lý thông tin (Information Management Group)                          |
| loT      | Mạng lưới vạn vật kết nối Internet (Internet of Things)                        |
| KDL      | Khách du lịch (Visitor)  |
| MDGs     | Mục tiêu phát triển thiên niên kỷ (Millennium Development Goals)               |
| MERCER   | Công ty Tư vấn toàn cấu Mercer (Consulting Firm Mercer)                        |
| NOWC     | Tập đoàn Thế giới mở mới (The New Open World Corporation)                      |
| N7W      | Bảy kỷ quan thế giới mới (New 7 Wonders)                                       |
|          |  |

.

#### ĐỊA LÝ DU LỊCH THẾ GIỚI

- N7WN Bảy kỳ quan thiên nhiên mới của thế giới (New 7 Wonders of Nature)
- OPEC Tổ chức Các nước Xuất khẩu Dấu mỏ (Organization of Petroleum Exporting Countries)
- PATA Hiệp hội Du lịch châu Á Thái Binh Dương (The Pacific Asia Travel Association)
- PPP Sức mua tương đương (Purchasing Power Parity)
- SDGs Muc tiêu phát triển bền vững (The Sustainable Development Goals)
- SEA Các quốc gia Đông Nam Á (Southeast Asia)
- SCP Sản xuất và tiêu dùng bến vững (Sustainable Consumption and Production)
- STP Chương trình du lịch bến vững (Sustainable Tourism Program)
- SIDS Các quốc đảo nhỏ đang phát triển (Small Island Developing States)
- TCN Trước Công nguyên (Before Christ BC)
- UAE Các Tiểu Vương quốc Ả Rập thống nhất (United Arab Emirates)
- UNDP Chương trình phát triển Liên hợp quốc (United Nations Development Programme)
- UNESCO Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa Liên hợp quốc (United Nations Educational Scientific and Cultural Organization)
- UNWTO Tổ chức Du lịch Thế giới Liên hợp quốc (United Nations World Tourism Organization)
  - VITA Hiệp hội Du lịch Việt Nam (Vietnam Tourism Association)
  - WESP Tinh hình và triển vọng kinh tế thế giới (World Economic Situation and Prospects)
  - WHO Tổ chức Y tế Thế giới (World Health Organization)
  - WHC Úy ban Di sản Thế giới (World Heritage Committee)
  - WTTC Hội đồng Du lịch và Lữ hành Thế giới (The World Travel & Tourism Council)
  - 10YFP Khung chương trình 10 năm về mô hình sản xuất và tiêu dùng bến vững (10 Year Framework of Programmes on Sustainable Consumption and Production Patterns)

#### MỞ ĐẦU

ja lý du lịch trước hết là một nhánh của địa lý nhân văn liên Jquan đến nghiên cứu về du lịch và tác động của nó đối với các địa điểm, tiếp đến địa lý du lịch được xem như là một hoạt động văn hóa xã hội và là một ngành công nghiệp không khói, thúc đẩy doanh thu của nền kinh tế, tạo ra hàng ngàn việc làm, phát triển cơ sở hạ tầng và góp phần to lớn trong việc trao đổi văn hóa giữa các quốc gia. Ngoài ra, địa lý du lịch cũng bao gồm nhiều mối quan tâm về những ảnh hưởng do tác động môi trường của du lịch, của ngành kinh tế du lịch và giải trí; giải đáp các mối quan tâm về quản lý du lịch theo hướng bền vững cũng như những vấn đề xã hội học về du lịch. Địa lý là cơ sở để nghiên cứu về du lịch, bởi vì du lịch có bản chất địa lý theo lãnh thổ, điều này có nghĩa là hoạt động du lịch xảy ra ở các địa điểm, nó liên quan đến sự di chuyển và các hoạt động của khách du lịch thông qua các mối quan hệ được tạo ra giữa các địa điểm, cảnh quan và con người. Địa lý du lịch nghiên cứu các điểm xuất phát khách du lịch (khu vực phát sinh du lịch), các điểm đến du lịch (khu vực cung cấp du lịch) và mối quan hệ (kết nối) giữa chúng, bao gồm cả giao thông vận tải, tuyến đường, các hoạt động kinh doanh và động cơ của khách du lịch. Cách thức mà địa lý du lịch ngày càng gắn kết với các ngành khoa học xã hội khác được minh họa bằng mối quan tâm về các vấn đề môi trường, sự phát triển bền vững và vai trò của du lịch trong việc tái cấu trúc nền kinh tế cũng như hình ảnh của các điểm đến. Du lịch còn có khả năng đặc biệt để thay đổi cuộc sống bằng cách tạo ra những trải nghiệm vô giá cho phép chúng ta kết nối người thân và bạn bè, hòa mình vào các nền văn hóa khác nhau và hiểu sâu hơn về các giá trị của bản thân mình, điều này dẫn đến sự nâng cao chất lượng cuộc sống.

Cuốn sách này có mục đích giới thiệu tổng quan về Địa lý du lịch thế giới và là tài liệu để sử dụng giảng dạy ở cấp đại học. Nội dung của Địa lý du lịch thế giới nhằm cung cấp kiến thức về lịch sử cũng như quá trình phát triển du lịch thế giới, giúp chúng ta có cái nhìn toàn cảnh về Tổ chức Du lịch Thế giới, hoạt động du lịch của các quốc gia, các vùng du lịch và mối quan hệ du lịch giữa các quốc gia trên thế giới với xu thế cộng sinh để cùng phát triển. Kiến thức về Địa lý du lịch thế giới sẽ giúp ích cho sự tham gia du lịch và các hoat động của con người xuyên qua biên giới quốc gia, hay thực hiện những mục đích cho việc nghỉ ngơi, thương mại, giáo dục hoặc những lý do gia đình. Thêm vào đó, nội dung của Địa lý du lịch thế giới giúp sinh viên có những nhận thức và đánh giá về tiềm năng du lịch của các vùng và các quốc gia. Từ đó hiểu rõ hơn tầm quan trọng của du lịch trong nền kinh tế quốc dân. Giúp tăng cường sự yêu mến, tôn trọng và giữ gìn các giá trị du lịch ở các điểm đến trên khắp thế giới, thu thập thêm những bài học bổ ích trong việc giữ gìn và phát huy các giá trị di sản thế giới phục vụ du lịch. Giúp cho sinh viên có thể áp dụng những hiểu biết về lý thuyết và thực tiến của du lịch thế giới vào hoàn cảnh của Việt Nam nhằm đẩy mạnh hoạt động kinh tế du lịch để góp phần đưa nước ta tiến nhanh trên con đường công nghiệp hóa và hiện đại hóa.

Nội dung sách bao gồm các chương:

Chương 1. Lịch sử du lịch và các nhân tố ảnh hưởng

Chương 2. Tổng quan về du lịch thế giới

Chương 3. Tổ chức Du lịch Thế giới và một số vấn đề phát triển bền vững

Chương 4. Các vùng du lịch trên thế giới

Chương 5. Địa lý du lịch tiểu vùng Đông Nam Á

Các tác giả hy vọng cuốn sách sẽ là tài liệu hữu ích cho sinh viên, học viên và giảng viên. Trong quá trình biên soạn các tác giả đã cố gắng tổng hợp các luận điểm lí luận cơ bản và các thành tựu mới. Tuy nhiên, chắc chắn cuốn sách không tránh khỏi những hạn chế, khiếm khuyết nhất định. Các tác giả rất mong nhận được ý kiến đóng góp của các giảng viên, sinh viên, học viên và những người quan tâm để cuốn sách tiếp tục được hoàn thiện hơn.

Xin trân trọng cảm ơn

Các tác giả